CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT
Địa chỉ: Lô 11-12 KCN Nam Sách, xã Ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Điện thoại: 0320.3752966 Fax: 0320.3752968

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

SỐ TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	năm 2009
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	**100,145,112,733**	***38,379,687,448***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	25,535,422,332	12,603,827,706
-	Các khoản dự phòng	03	24,284,214	69,026,132
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1,752,740,795
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(610,787,183)	
-	Chi phí lãi vay	06	23,323,421,252	17,140,935,824
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***148,417,453,348***	***69,946,217,905***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(51,266,744,991)	6,767,272,177
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(30,144,677,984)	(8,712,871,272)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	22,071,469,915	11,809,270,591
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(100,198,880)	(2,607,466,183)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(22,983,421,252)	(17,140,935,824)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6,243,765,756)	(1,293,271,535)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3,610,879,348	37,554,819
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(36,258,052,675)	(6,476,160,514)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***27,102,941,073***	***52,329,610,164***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(104,103,010,532)	(75,873,978,311)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	299,472,727	722,057,233
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	- (10,000,000,000)	(24,599,332,300)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	24,599,332,300
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(35,280,000,000)	(39,000,000,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(527,916,667)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(149,083,537,805)***	***(114,679,837,745)***

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT
Địa chỉ: Lô 11-12 KCN Nam Sách, xã Ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Điện thoại: 0320.3752966 Fax: 0320.3752968

III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	122,100,000,000	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	449,615,965,660	532,556,338,122
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(461,904,215,501)	(423,229,521,632)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5,939,725,272)	(12,885,986,626)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***103,872,024,887***	***96,440,829,864***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(18,108,571,845)**	**34,090,602,283**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**37,821,764,375**	**3,681,470,777**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5,201,684	49,691,315
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**19,718,394,214**	**37,821,764,375**
			-	-

HảI Dương ngày 31/12/2010

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
Hồ Thị Hòe	**Hòa Thị Thu Hà**	**Phạm Ánh Dương**

B¶n thuyÕt minh b¸o c¸o tµi chÝnh

N¨m 2010

ChØ tiªu	Nhµ cöa, vËt kiÕn tróc	M¸y mãc, thiÕt bÞ	Ph-¬ng tiÖn vËn t¶i, truyÒn dÈn	ThiÕt bÞ, dông cô qu¶n lý	C©y l©u n¨m, sóc vËt lµm viÖc vµ cho s¶n phÈm	Tµi s¶n cè ®Þnh kh¸c	Tæng céng
Nguyªn gi¸ TSC§ h÷u h×nh							
Sè d- ®Çu n¨m	45 838 945 375	167 408 793 530	8 795 261 806	911 672 785	508 673 000	13 181 818	223 476 528 314
- Mua trong n¨m	135 000 000	63 881 434 699	18 706 973 952	418 632 209	10 686 810 000	12 875 000	93 841 725 860
- §Çu t- XDCB hoµn thµnh	234 427 200						234 427 200
- T¨ng kh¸c	463 009 904	1 727 272 909	835 250 800				3 025 533 613
- ChuyÓn sang bÊt ®éng s¶n ®Çu t-							
- Thanh lý, nh-îng b¸n	49 000 000	1 350 792 380	405 880 000	14 100 000			1 819 772 380
- Gi¶m kh¸c							
Sè d- cuèi n¨m	46 622 382 479	231 666 708 758	27 931 606 558	1 316 204 994	11 195 483 000	26 056 818	318 758 442 607
Gi¸ trÞ hao mßn lòy kÕ							
Sè ®Çu n¨m	1 538 317 885	18 406 907 479	1 869 468 037	120 002 841	13 648 738	6 957 078	21 955 302 058
- KhÊu hao trong n¨m	3 093 653 768	21 199 719 417	1 537 726 208	230 364 963	157 881 077	7 255 056	26 226 600 489
- T¨ng kh¸c							
- Thanh lý, nh-îng b¸n	20 756 356	592 289 531	393 757 185	10 525 546			1 017 328 618
- ChuyÓn sang bÊt ®éng s¶n ®Çu t-							
- Gi¶m kh¸c							
Sè cuèi n¨m	4 611 215 297	39 014 337 365	3 013 437 060	339 842 258	171 529 815	14 212 134	47 164 573 929
Gi¸ trÞ cßn l¹i cña TSC§ h÷u h×nh							
- T¹i ngµy ®Çu n¨m	44 300 627 490	149 001 886 051	6 925 793 769	791 669 944	495 024 262	6 224 740	201 521 226 256
- T¹i ngµy cuèi n¨m	42 011 167 182	192 652 371 393	24 918 169 498	976 362 736	11 023 953 185	11 844 684	271 593 868 678
* Gi¸ trÞ cßn l¹i cuèi n¨m cña TSC§ h÷u h×n							
* Nguyªn gi¸ TSC§ cuèi n¨m ®· khÊu hao h							
* Nguyªn gi¸ TSC§ cuèi n¨m chê thanh lý:							
* C¸c cam kÕt vÒ viÖc mua, b¸n TSC§ h÷u							
* C¸c thay ®æi kh¸c vÒ TSC§ h÷u h×nh:							

C«ng ty CP Nhùa vµ M«i tr-êng Xanh An Ph¸t
L« cn11+cn12 côm cn an ®ång, Nam S¸ch, tØnh H¶i D-¬ng

B¶n thuyÕt minh b¸o c¸o tµi chÝnh

N¨m 2010

ChØ tiªu	QuyÒn sö dông ®Êt	B¶n quyÒn, b»ng s¸ng chÕ	Nh·n hiÖu hµng hãa	PhÇn mÒm m¸y tÝnh	GiÊy phÐp vµ giÊy phÐp nh-îng quyÒn	TSC§ v« h×nh kh¸c	Tæng céng
Nguyªn gi¸ TSC§ v« h×nh							
Sè d- ®Çu n¨m	8 092 644 904			65 385 660			8 158 030 564
- Mua trong n¨m							
- T¹o ra tõ néi bé doanh nghiÖp							
- T¨ng do hîp nhÊt kinh doanh							
- T¨ng kh¸c							
- Thanh lý, nh-îng b¸n							
- Gi¶m kh¸c							
Sè d- cuèi n¨m	8 092 644 904			65 385 660			8 158 030 564
Gi¸ trÞ hao mßn lòy kÕ							
Sè ®Çu n¨m	241 603 479			36 651 967			278 255 446
- KhÊu hao trong n¨m	313 177 464			12 972 997			326 150 461
- T¨ng kh¸c							
- Gi¶m kh¸c							
- Thanh lý, nh-îng b¸n							
Sè d- cuèi n¨m	554 780 943			49 624 964			604 405 907
Gi¸ trÞ cßn l¹i cña TSC§ v« h×nh							
- T¹i ngµy ®Çu n¨m	7 851 041 425			28 733 693			7 879 775 118
- T¹i ngµy cuèi n¨m	7 537 863 961			15 760 696			7 553 624 657
* ThuyÕt minh sè liÖu vµ gi¶i tr×nh kh¸c:							

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là "Công ty mẹ") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007. và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Trong kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày ngày 21 tháng 5 năm 2010.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
  In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

2.CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

3.ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả
- Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC

4.CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài

chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán theo hướng dẫn tại thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư. Hướng dẫn tại thông tư nói trên của Bộ Tài chính có sự khác biệt căn bản với những quy định hiện hành của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty được miễn thuế thu nhập đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 2 +3 và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1. Thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động thương mại và hoạt động khác là 25%

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.
Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V.1. Tiền

	Đến 31/12/2010(VND)	Đến 01/01/2010(VND)
Tiền mặt	143 599 759	149 991 386
Tiền gửi NH	19 574 794 455	37 671 772 989
Tiền đang chuyển		
Cộng	**19 718 394 214**	**37 821 764 375**

V.2. Hàng tồn kho

	Đến 31/12/2010(VND)	Đến 01/01/2010(VND)
Nguyên liệu, vật liệu	31 945 189 921	21,557,972,945
CÔng cụ dụng cụ	5 136 143 194	4,450,204,147
Chi phí SXKD dở dang	10 233 688 615	6,192,345,447
Thành phẩm	31 519 770 884	16,489,619,813

Hàng gửi bán	384 838	357,116
Cộng	**78 835 177 452**	**48,690,449,468**

V.3 Tài sản cố định hữu hình(có bảng kê)

V.4 Tài sản cố định vô hình (có bảng kê)

V.5 Vay và nợ ngắn hạn

	Đến 31/12/2010(VND)	**Đến 01/01/2010(VND)**
Ngân hàng thương mại CP Quân Đội	0	27,700,000,000
Ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Dương	104 687 669 885	100,436,251,616
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu petrolimex	26 855 965 027	15,292,006,590
Ngân hàng HSBC	15 431 189 220	27,700,000,000
Cộng	**146 974 824 132**	**143,428,258,206**

V.6 Phải trả phải nộp khác

	Đến 31/12/2010(VND)	**Đến 01/01/2010(VND)**
Tài sản thừa chờ giải quyết	23 365 887	21,363,482
Kinh phí công đoàn	80 676 262	30,627,165
Bảo hiểm xã hội		45,734,719
Bảo hiểm thất nghiệp	738 742	
Tiền ăn ca của CBCNV	315 708 572	594,756,594
Phải trả phải nộp khác	4 074 204 259	3,443,874,532
Cộng	**4 494 693 722**	**4,136,356,492**

V.7 Vay và nợ dài hạn

	Đến 31/12/2010(VND)	**Đến 01/01/2010(VND)**
Ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Dương	6 148 734 740	13,188,734,740
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu petrolimex	48 002 666 667	60,000,000,000
Trái phiếu phát hành	54 000 000 000	54,000,000,000
Cộng	**108,151,401,407**	**127,188,734,740**

6.THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1.Doanh thu

	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu bán hàng hóa	56 238 521 125	57 322 075 516
Doanh thu bán thành phẩm	625 961 340 252	328 235 271 737
Doanh thu cung cấp dịch vụ		30 229 546
Cộng	**682,199,861,377**	**385 587 576 799**

6.2 Giá vốn

	Năm 2010	Năm 2009
Giá vốn hàng hóa	55 703 597 735	53 202 813 220
Giá vốn thành phẩm	439 096 355 904	247 733 111 539
Cộng	**494,799,953,639**	**300 935 924 759**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	716 397 308	698 820 225
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10 345 216 530	2 759 283 407
Doanh thu hoạt động tài chính khác		6 843 688
Cộng	**11,061,613,838**	**3 464 947 320**

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền vay	23,323,421,252	17 140 935 824
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10 976 867 878	3 865 702 658
Cộng	**34,300,289,130**	**21 006 638 482**

-

Phạm Ánh Dương
Tổng Giám đốc

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hải Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2010